

Tăng cường công tác giáo dục, kiểm tra và xử lý nghiêm minh những cán bộ, công chức tha hóa, biến chất. Tập trung làm trong sạch các cơ quan bảo vệ pháp luật để củng cố trụ cột trong đấu tranh chống tham nhũng, chống tội phạm.

Thực hiện nghiêm chỉnh Quy chế về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và luân chuyển cán bộ lãnh đạo; thay đổi cán bộ năng lực yếu, trì trệ; thực hiện các biện pháp phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các biểu hiện tiêu cực trong công tác cán bộ.

## VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ cụ thể hóa và triển khai thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ năm 2004.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương các cấp hàng tháng, hàng quý đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước theo đúng quy định; phát hiện và tìm các giải pháp để khắc phục kịp thời các khó khăn, vướng mắc của cơ sở; những vấn đề vượt quá thẩm quyền, cần tập hợp và đề xuất biện pháp giải quyết.

3. Chính phủ duy trì các biện pháp giao ban chuyên đề để thường xuyên kiểm điểm tình hình và đề ra các biện pháp đẩy mạnh thực hiện kế hoạch và ngân sách nhà nước hàng quý./.

TM. CHÍNH PHỦ

*Thủ tướng*

**Phan Văn Khải**

## CÁC BỘ

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM

**QUYẾT ĐỊNH** của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số **07/2004/QĐ-NHNN** ngày **02/01/2004** về việc sửa đổi, bổ sung một số mẫu biểu báo cáo tại Chế độ thông tin báo cáo áp dụng đối với các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tin dụng ban hành kèm theo Quyết định số **516/2000/QĐ-NHNN1** ngày **18/12/2000** của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG  
NHÀ NƯỚC

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 12/12/1997, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước ngày 17/6/2003;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2002/ND-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

*Căn cứ Quyết định số 1304/QĐ-TTg ngày 27/11/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phát hành bổ sung một số loại tiền mới vào lưu thông kể từ ngày 17/12/2003;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bổ sung, sửa đổi một số mẫu biểu tại Phụ lục 2a của Chế độ thông tin báo cáo áp dụng đối với các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 516/2000/QĐ-NHNN1 ngày 18/12/2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước như sau (được đính kèm theo Quyết định này):

**1. Bổ sung các mẫu biểu sau:**

- Biểu G01.1 “Báo cáo thống kê các loại tiền Cotton thuộc Quỹ dự trữ phát hành của các kho tiền Trung ương”.

- Biểu G01.2 “Báo cáo thống kê các loại tiền Polymer thuộc Quỹ dự trữ phát hành của các kho tiền Trung ương”.

- Biểu G01.3 “Báo cáo thống kê các loại tiền kim loại thuộc Quỹ dự trữ phát hành của các kho tiền Trung ương”.

- Biểu G04.1 “Báo cáo thống kê thu chi các loại tiền Cotton thuộc Quỹ nghiệp vụ phát hành”.

- Biểu G04.2 “Báo cáo thống kê thu chi các loại tiền Polymer thuộc Quỹ nghiệp vụ phát hành”.

- Biểu G04.3 “Báo cáo thống kê thu chi các loại tiền kim loại thuộc Quỹ nghiệp vụ phát hành”.

- Biểu G11.1 “Báo cáo thống kê các loại tiền Cotton thuộc Quỹ dự trữ phát hành của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố”.

- Biểu G11.2 “Báo cáo thống kê các loại tiền Polymer thuộc Quỹ dự trữ phát

hành của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố”.

- Biểu G11.3 “Báo cáo thống kê các loại tiền kim loại thuộc Quỹ dự trữ phát hành của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố”.

**2. Sửa đổi nội dung các mẫu biểu sau:**

- Biểu G01 “Báo cáo thống kê các loại tiền thuộc Quỹ dự trữ phát hành của các kho tiền Trung ương”.

- Biểu G04 “Báo cáo thống kê thu chi các loại tiền thuộc Quỹ nghiệp vụ phát hành”.

- Biểu G11 “Báo cáo thống kê các loại tiền thuộc Quỹ dự trữ phát hành của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố”.

- Biểu G08 “Cân đối thu chi tiền mặt”.

- Biểu G51 “Điện báo nghiệp vụ phát hành và kho quỹ”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ, Cục trưởng Cục Công nghệ tin học ngân hàng, Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG  
NHÀ NƯỚC  
*Phó Thống đốc*

**Nguyễn Thị Kim Phụng**

1. Đối tượng áp dụng: Các Kho tiền Trung ương, Cục PH&KQ

2. Thời hạn gửi: - Chậm nhất vào ngày 05 tháng sau, Cục PH & KQ tổng hợp số liệu tháng trước của các Kho tiền Trung ương

- Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý, Cục PH&KQ tổng hợp số liệu báo cáo thống kê của các Kho tiền Trung ương của quý trước.

- Chậm nhất sau ngày 31 tháng 01 năm sau, Cục PH&KQ tổng hợp số liệu báo cáo thống kê của các Kho tiền Trung ương của năm trước.

- Kho tiền Trung ương tổng hợp số liệu tháng, quý, năm để sử dụng tại đơn vị.

**BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC LOẠI TIỀN THUỘC QUỸ DỰ TRỮ PHÁT HÀNH  
CỦA CÁC KHO TIỀN TRUNG ƯƠNG**

Tháng.....năm.....

I. Tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành:

Đơn vị: Đồng

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ						Xuất trong kỳ					Tồn cuối kỳ
		Nhập từ các nhà máy in tiền và tiền mới công bố lưu hành	Nhập điều chuyển giữa các kho tiền Trung ương	Nhập từ quỹ nghiệp vụ PH	Nhập từ địa phương	Nhập tiền lãnh tuyển chọn từ tiền rách	Cộng nhập	Xuất điều chuyển giữa các kho tiền Trung ương	Xuất cho quỹ nghiệp vụ PH	Xuất giao địa phương	Xuất tiền rách chọn ra từ tiền lành	Cộng xuất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

**II. Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông:**Đơn vị: **Đồng**

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	2	3	4	5
Cộng				

**III. Tiền đình chỉ lưu hành:**Đơn vị: **Đồng**

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	2	3	4	5
Cộng				

Lập bảng

Kiểm soát

....., ngày.....tháng.....năm.....

Thủ trưởng đơn vị

1. Đối tượng áp dụng: Các Kho tiền Trung ương

2. Thời hạn gửi: - Chậm nhất vào ngày 05 hàng tháng các Kho tiền Trung ương truyền báo cáo về Ngân hàng Nhà nước Trung ương (Cục PH&KQ) thông qua Cục CNTHNH.

- Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý, Cục PH&KQ tổng hợp số liệu báo cáo thống kê của các Kho tiền Trung ương của quý trước.

- Chậm nhất sau ngày 31 tháng 01 năm sau, Cục PH&KQ tổng hợp số liệu báo cáo thống kê của các Kho tiền Trung ương của năm trước.

**BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC LOẠI TIỀN COTTON THUỘC QUỸ DỰ TRỮ PHÁT HÀNH CỦA CÁC KHO TIỀN TRUNG ƯƠNG**

Tháng.....năm.....

I. Tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành:

Đơn vị: Đồng

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ						Xuất trong kỳ					Tồn cuối kỳ
		Nhập từ các nhà máy in tiền và tiền mới công bố lưu hành	Nhập điều chuyển giữa các kho tiền Trung ương	Nhập từ quỹ nghiệp vụ PH	Nhập từ địa phương	Nhập tiền lãnh tuyển chọn từ tiền rách	Cộng nhập	Xuất điều chuyển giữa các kho tiền Trung ương	Xuất cho quỹ nghiệp vụ PH	Xuất giao địa phương	Xuất tiền rách chọn ra từ tiền lãnh	Cộng xuất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

**II. Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông:**

Đơn vị: Đồng

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	2	3	4	5
Cộng				

**III. Tiền đình chỉ lưu hành:**

Đơn vị: Đồng

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	2	3	4	5
Cộng				

....., ngày.....tháng.....năm.....

Lập bảng

Kiểm soát

Thủ trưởng đơn vị

## HƯỚNG DẪN LẬP BIỂU G01.1:

Mẫu biểu G01.1 do các Kho tiền Trung ương lập vào ngày cuối tháng, căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối tháng có đối chiếu với sổ sách kế toán (Tài khoản 101- Quỹ DTPH). Số liệu báo cáo phải chính xác để Ngân hàng Trung ương tổng hợp, báo cáo Chính phủ, chỉ đạo công tác phát hành tiền theo kế hoạch cung ứng của Thủ tướng Chính phủ và công tác kế hoạch và điều hòa tiền mặt giữa các Kho tiền Trung ương với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước.

### I. Tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành:

Cột 2: Tồn quỹ cuối tháng trước mang sang.

Cột 3: Phản ánh số tiền nhập quỹ DTPH nhập từ các Nhà máy in tiền và tiền mới công bố lưu hành.

Cột 4 và cột 9: Phản ánh số tiền nhập, xuất quỹ DTPH điều chuyển giữa các Kho tiền Trung ương.

Cột 5 và cột 10: Phản ánh số tiền nhập xuất quỹ DTPH của Kho tiền Trung ương với quỹ Nghiệp vụ phát hành Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước.

Cột 6 và cột 11: Phản ánh số tiền nhập, xuất quỹ DTPH của các Kho tiền Trung

ương với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

Cột 7 và cột 12: Phản ánh số tiền nhập, xuất quỹ DTPH phát sinh do tuyển chọn tiền.

Cột 8 = cột 3 + cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7

Cột 13 = Cột 9 + cột 10 + cột 11 + cột 12

Cột 14: Phản ánh số tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành tồn quỹ tại kho tiền Trung ương tại ngày làm việc cuối cùng của tháng báo cáo.

### II. Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông:

Cột 2: Như cột 2 mục I/ tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành

Cột 3: - Nhập tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông từ các Kho tiền Trung ương, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố và Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước.

- Nhập tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông chọn ra từ tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành.

Cột 4: - Xuất tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông điều chuyển giữa các Kho Trung ương, Xuất giao Hội đồng tiêu hủy.

- Xuất tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành

chọn ra từ tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông.

Cột 5: Phản ánh số tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông tồn quỹ tại Kho tiền Trung ương tại ngày làm việc cuối cùng của tháng báo cáo.

### ***III. Tiền đình chỉ lưu hành:***

Cột 2: Như cột 2 mục I/tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành.

Cột 3: Nhập tiền đình chỉ lưu hành từ Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố và Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước.

Cột 4: Xuất tiền đình chỉ lưu hành giao Hội đồng tiêu hủy, xuất để bán

Cột 5: Phản ánh số tiền đình chỉ lưu hành tồn quỹ tại Kho tiền Trung ương tại ngày làm việc cuối cùng của tháng báo cáo.

096392



1. Đối tượng áp dụng: Các Kho tiền Trung ương
2. Thời hạn gửi: - Chậm nhất vào ngày 05 hàng tháng các Kho tiền Trung ương truyền báo cáo về Ngân hàng Nhà nước Trung ương (Cục PH&KQ) thông qua Cục CNTT.
- Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý, Cục PH&KQ tổng hợp số liệu báo cáo thống kê của các Kho tiền Trung ương của quý trước.
- Chậm nhất sau ngày 31 tháng 01 năm sau, Cục PH&KQ tổng hợp số liệu báo cáo thống kê của các Kho tiền Trung ương của năm trước.

**BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC LOẠI TIỀN POLYME THUỘC QUỸ DỰ TRỮ PHÁT HÀNH  
CỦA CÁC KHO TIỀN TRUNG ƯƠNG**

Tháng.....năm.....

I. Tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành:

Đơn vị: Đồng

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ						Xuất trong kỳ					Tồn cuối kỳ
		Nhập từ các nhà máy in tiền và tiền mới công bố lưu hành	Nhập điều chuyển giữa các kho tiền Trung ương	Nhập từ quỹ nghiệp vụ PH	Nhập từ địa phương	Nhập tiền lãnh tuyển chọn từ tiền rách	Cộng nhập	Xuất điều chuyển giữa các kho tiền Trung ương	Xuất cho quỹ nghiệp vụ PH	Xuất giao địa phương	Xuất tiền rách chọn ra từ tiền lãnh	Cộng xuất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

**II. Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông:**

Đơn vị: Đồng

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	2	3	4	5
Cộng				

**III. Tiền đình chỉ lưu hành:**

Đơn vị: Đồng

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	2	3	4	5
Cộng				

Lập bảng

Kiểm soát

....., ngày.....tháng.....năm.....

Thủ trưởng đơn vị

## HƯỚNG DẪN LẬP BIỂU G01.2:

Mẫu biểu G01.2 do các Kho tiền Trung ương lập vào ngày cuối tháng, căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối tháng có đối chiếu với sổ sách kế toán (Tài khoản 101- Quỹ DTPH). Số liệu báo cáo phải chính xác để Ngân hàng Trung ương tổng hợp, báo cáo Chính phủ, chỉ đạo công tác phát hành tiền theo kế hoạch cung ứng của Thủ tướng Chính phủ và công tác kế hoạch và điều hòa tiền mặt giữa các Kho tiền Trung ương với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước.

### **I. Tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành:**

Cột 2: Tồn quỹ cuối tháng trước mang sang.

Cột 3: Phản ánh số tiền nhập quỹ DTPH nhập từ các Nhà máy in tiền và tiền mới công bố lưu hành.

Cột 4 và cột 9: Phản ánh số tiền nhập, xuất quỹ DTPH điều chuyển giữa các Kho tiền Trung ương.

Cột 5 và cột 10: Phản ánh số tiền nhập xuất quỹ DTPH của Kho tiền Trung ương với quỹ Nghiệp vụ phát hành Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước.

Cột 6 và cột 11: Phản ánh số tiền nhập, xuất quỹ DTPH của các Kho tiền Trung

ương với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

Cột 7 và cột 12: Phản ánh số tiền nhập, xuất quỹ DTPH phát sinh do tuyển chọn tiền.

Cột 8 = cột 3 + cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7

Cột 13 = Cột 9 + cột 10 + cột 11 + cột 12

Cột 14: Phản ánh số tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành tồn quỹ tại kho tiền Trung ương tại ngày làm việc cuối cùng của tháng báo cáo.

### **II. Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông:**

Cột 2: như cột 2 mục I/ tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành.

Cột 3: - Nhập tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông từ các Kho tiền Trung ương, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố và Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước.

- Nhập tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông chọn ra từ tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành.

Cột 4: - Xuất tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông điều chuyển giữa các Kho Trung ương, Xuất giao Hội đồng tiêu hủy.

- Xuất tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành

0963927

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

chọn ra từ tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông.

Cột 5: Phản ánh số tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông tồn quỹ tại Kho tiền Trung ương tại ngày làm việc cuối cùng của tháng báo cáo.

### ***III. Tiền đình chỉ lưu hành:***

Cột 2: Như cột 2 mục I/tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành.

Cột 3: Nhập tiền đình chỉ lưu hành từ Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố và Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước.

Cột 4: Xuất tiền đình chỉ lưu hành giao Hội đồng tiêu hủy, xuất để bán.

Cột 5: Phản ánh số tiền đình chỉ lưu hành tồn quỹ tại Kho tiền Trung ương tại ngày làm việc cuối cùng của tháng báo cáo.

1. Đối tượng áp dụng: Các Kho tiền Trung ương
2. Thời hạn gửi: - Chậm nhất vào ngày 05 hàng tháng các Kho tiền Trung ương truyền báo cáo về Ngân hàng Nhà nước Trung ương (Cục PH&KQ) thông qua Cục CNTHNH.  
- Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý, Cục PH&KQ tổng hợp số liệu báo cáo thống kê của các Kho tiền Trung ương của quý trước.  
- Chậm nhất sau ngày 31 tháng 01 năm sau, Cục PH&KQ tổng hợp số liệu báo cáo thống kê của các Kho tiền Trung ương của năm trước.

**BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC LOẠI TIỀN KIM LOẠI THUỘC QUỸ DỰ TRỮ PHÁT HÀNH  
CỦA CÁC KHO TIỀN TRUNG ƯƠNG**

Tháng.....năm.....

I. Tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành:

Đơn vị: Đồng

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ						Xuất trong kỳ					Tồn cuối kỳ
		Nhập từ các nhà máy in tiền và tiền mới công bố lưu hành	Nhập điều chuyển giữa các kho tiền Trung ương	Nhập từ quỹ nghiệp vụ PH	Nhập từ địa phương	Nhập tiền lãnh tuyển chọn từ tiền rách	Cộng nhập	Xuất điều chuyển giữa các kho tiền Trung ương	Xuất cho quỹ nghiệp vụ PH	Xuất giao địa phương	Xuất tiền rách chọn ra từ tiền lãnh	Cộng xuất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

**II. Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông:**Đơn vị: **Đồng**

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	2	3	4	5
<b>Cộng</b>				

**III. Tiền đình chỉ lưu hành:**Đơn vị: **Đồng**

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	2	3	4	5
<b>Cộng</b>				

Lập bảng

Kiểm soát

....., ngày.....tháng.....năm.....

Thủ trưởng đơn vị

### HƯỚNG DẪN LẬP BIỂU G01.3:

Mẫu biểu G01.3 do các Kho tiền Trung ương lập vào ngày cuối tháng, căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối tháng có đối chiếu với sổ sách kế toán ( Tài khoản 101- Quỹ DTPH ). Số liệu báo cáo phải chính xác để Ngân hàng Trung ương tổng hợp, báo cáo Chính phủ, chỉ đạo công tác phát hành tiền theo kế hoạch cung ứng của Thủ tướng Chính phủ và công tác kế hoạch và điều hòa tiền mặt giữa các Kho tiền Trung ương với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước.

#### ***I. Tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành:***

Cột 2: Tồn quỹ cuối tháng trước mang sang.

Cột 3: Phản ánh số tiền nhập quỹ DTPH nhập từ các Nhà máy in tiền và tiền mới công bố lưu hành.

Cột 4 và cột 9: Phản ánh số tiền nhập, xuất quỹ DTPH điều chuyển giữa các Kho tiền Trung ương.

Cột 5 và cột 10: Phản ánh số tiền nhập xuất quỹ DTPH của Kho tiền Trung ương với quỹ Nghiệp vụ phát hành Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước.

Cột 6 và cột 11: Phản ánh số tiền nhập, xuất quỹ DTPH của các Kho tiền Trung

ương với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

Cột 7 và cột 12: Phản ánh số tiền nhập, xuất quỹ DTPH phát sinh do tuyển chọn tiền.

Cột 8 = cột 3 + cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7.

Cột 13 = Cột 9 + cột 10 + cột 11 + cột 12.

Cột 14: Phản ánh số tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành tồn quỹ tại Kho tiền Trung ương tại ngày làm việc cuối cùng của tháng báo cáo.

#### ***II. Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông:***

Cột 2: Như cột 2 Mục I/tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành.

Cột 3: - Nhập tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông từ các Kho tiền Trung ương, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố và Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước.

- Nhập tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông chọn ra từ tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành.

Cột 4: - Xuất tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông điều chuyển giữa các Kho Trung ương, Xuất giao Hội đồng tiêu hủy.

- Xuất tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành

chọn ra từ tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông.

Cột 5: Phản ánh số tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông tồn quỹ tại Kho tiền Trung ương tại ngày làm việc cuối cùng của tháng báo cáo.

### ***III. Tiền đình chỉ lưu hành:***

Cột 2: Như cột 2 Mục I/tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành.

Cột 3: Nhập tiền đình chỉ lưu hành từ Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố và Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước.

Cột 4: Xuất tiền đình chỉ lưu hành giao Hội đồng tiêu hủy, xuất để bán.

Cột 5: Phản ánh số tiền đình chỉ lưu hành tồn quỹ tại Kho tiền Trung ương tại ngày làm việc cuối cùng của tháng báo cáo.



**Biểu G04 (tổng hợp từ G04.1, G04.2, G04.3)**

(ban hành kèm theo Quyết định số 07/2004/QĐ-NHNN ngày 02 tháng 01 năm 2004).

**1. Đối tượng áp dụng:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở GD Ngân hàng Nhà nước, Cục PH&KQ.

**2. Thời hạn gửi:** Chậm nhất vào ngày 05 tháng sau, Cục PH&KQ tổng hợp số liệu tháng trước của các Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố và Sở GD Ngân hàng Nhà nước.

- Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý, Cục PH&KQ tổng hợp số liệu báo cáo thống kê quý trước của các Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố và Sở GD Ngân hàng Nhà nước.

- Chậm nhất ngày 31 tháng 01 năm sau, Cục PH&KQ tổng hợp số liệu báo cáo thống kê năm trước của các Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố và Sở GD Ngân hàng Nhà nước.

- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, SGD Ngân hàng Nhà nước tổng hợp báo cáo Quý, năm để sử dụng tại đơn vị.

**BÁO CÁO THỐNG KÊ THU CHI CÁC LOẠI TIỀN  
THUỘC QUỸ NGHIỆP VỤ PHÁT HÀNH**

Tháng.....năm.....

**I. Tiền đang lưu hành:**

Đơn vị: đồng

Loại tiền	Tồn quỹ đầu kỳ	Thu trong kỳ						Chi trong kỳ						Tồn quỹ cuối kỳ	Tỷ lệ các loại tiền	
		Từ Quỹ DTPH	Từ các TCTD	Từ KBNN	Từ các nghiệp vụ khác	Thu đối loại	Cộng thu	Nhập Quỹ DTPH	Chi cho các TCTD	Chi cho KBNN	Chi cho các nghiệp vụ khác	Chi đối loại	Cộng chi		Thu	Chi
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Cộng																

**II. Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông:**

Đơn vị: đồng

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	2	3	4	5
Cộng				

**III. Tiền đình chỉ lưu hành:**

Đơn vị: đồng

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	2	3	4	5
Cộng				

**IV. Tiền nghi giả, tiền giả và tiền bị phá hoại chờ xử lý:**

Đơn vị: đồng

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	2	3	4	5
Cộng				

Lập bảng

Kiểm soát

....., ngày.....tháng.....năm.....

Thủ trưởng đơn vị

1. **Đối tượng áp dụng:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở GD Ngân hàng Nhà nước.
2. **Thời hạn gửi:** Chậm nhất vào ngày 05 tháng sau, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở GD Ngân hàng Nhà nước truyền báo cáo tháng trước về Cục PH&KQ (Ngân hàng Nhà nước Trung ương) thông qua Cục CNTHNH.
  - Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý, Cục PH&KQ tổng hợp số liệu báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở GD Ngân hàng Nhà nước của quý trước.
  - Chậm nhất ngày 31 tháng 1 năm sau, Cục PH&KQ tổng hợp số liệu báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở GD Ngân hàng Nhà nước của năm trước.
  - Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, SGD Ngân hàng Nhà nước tổng hợp báo cáo Quý, năm để sử dụng tại đơn vị.

**BÁO CÁO THỐNG KÊ THU CHI CÁC LOẠI TIỀN COTTON  
THUỘC QUỸ NGHIỆP VỤ PHÁT HÀNH**

Tháng.....năm.....

I. Tiền đang lưu hành:

Đơn vị: đồng

Loại tiền	Tồn quỹ đầu kỳ	Thu trong kỳ						Chi trong kỳ						Tồn quỹ cuối kỳ	Tỷ lệ các loại tiền	
		Từ Quỹ DTPH	Từ các TCTD	Từ KBNN	Từ các nghiệp vụ khác	Thu đổi loại	Cộng thu	Nhập Quỹ DTPH	Chi cho các TCTD	Chi cho KBNN	Chi cho các nghiệp vụ khác	Chi đổi loại	Cộng chi		Thu	Chi
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Cộng																

**II. Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông:**

Đơn vị: đồng

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	2	3	4	5
Cộng				

**III. Tiền đình chỉ lưu hành:**

Đơn vị: đồng

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	2	3	4	5
Cộng				

**IV. Tiền nghi giả, tiền giả và tiền bị phá hoại chờ xử lý:**

Đơn vị: đồng

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	2	3	4	5
Cộng				

....., ngày.....tháng.....năm.....

Lập bảng

Kiểm soát

Thủ trưởng đơn vị

## HƯỚNG DẪN LẬP BIỂU G04.1:

Mẫu G04.1 do Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố và Sở giao dịch lập vào ngày cuối tháng. Số liệu trong mẫu biểu lấy từ tổng số tiền thu, chi qua quỹ nghiệp vụ phát hành trong tháng có đối chiếu với kế toán (Tài khoản 102- Quỹ NVPH) chậm nhất ngày 05 tháng sau Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước truyền báo cáo về Ngân hàng Nhà nước Trung ương (Cục PH và KQ) thông qua Cục CNTHNH.

### ***I. Tiền đang lưu hành:***

Cột 2: Tồn quỹ cuối kỳ tháng trước mang sang

Cột 3 và cột 9: phản ánh số tiền thu, chi quỹ NVPH với quỹ DTPH, kể cả đổi cơ cấu các loại tiền giữa quỹ NVPH với quỹ DTPH và ngược lại

Cột 4 và cột 10: phản ánh các khoản thu chi quỹ NVPH của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước với các TCTD trên địa bàn

Cột 5 và cột 11: phản ánh thu chi quỹ NVPH của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước với Kho bạc Nhà nước trên địa bàn

Cột 6 và cột 12: phản ánh các khoản thu chi quỹ NVPH của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước (ngoài các chỉ tiêu trong mẫu biểu) như: thu chi nội bộ, thu lệ phí, chuyển tiền, nhập, xuất do tuyển chọn phân loại tiền trong quỹ NVPH.

Cột 7 và cột 13: phản ánh các khoản thu chi đổi loại quỹ NVPH làm thay đổi cơ cấu tiền phục vụ cho việc thu chi từ các nghiệp vụ khác, đổi tiền lẻ, rách, đổi NPTT lấy tiền mặt....

Cột 8 = cột 3 + cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7

Cột 14 = cột 9 + cột 10 + cột 11 + cột 12 + cột 13

Cột 15: phản ánh tồn quỹ NVPH các loại tiền đến ngày cuối tháng

Cột 16 và cột 17: phản ánh tỷ lệ các loại tiền trong tổng số tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành thu chi trong kỳ.

### ***II. Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông:***

Cột 2: Tồn quỹ cuối tháng trước mang sang

Cột 3: Số tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông nhập trong kỳ

Cột 4: Số tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông xuất trong kỳ

Cột 5: Số tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông tồn tại quỹ đến ngày làm việc cuối cùng của tháng báo cáo.

### **III. Tiền đình chỉ lưu hành:**

Cột 2: Tồn quỹ cuối tháng trước mang sang

Cột 3: Số tiền đình chỉ lưu hành nhập trong kỳ

Cột 4: Số tiền đình chỉ lưu hành xuất trong kỳ

Cột 5: Số tiền đình chỉ lưu hành tồn tại quỹ đến ngày làm việc cuối cùng của tháng báo cáo.

### **IV. Tiền nghi giả, tiền giả và tiền bị phá hoại chờ xử lý:**

Cột 2: Tồn quỹ cuối tháng trước mang sang

Cột 3: Số tiền nghi giả, tiền giả và tiền bị phá hoại chờ xử lý nhập trong kỳ

Cột 4: Số tiền nghi giả, tiền giả và tiền bị phá hoại chờ xử lý xuất trong kỳ

Cột 5: Số tiền nghi giả, tiền giả và tiền bị phá hoại chờ xử lý tồn tại quỹ đến ngày làm việc cuối cùng của tháng báo cáo.

- 1. Đối tượng áp dụng:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở GD Ngân hàng Nhà nước.
- 2. Thời hạn gửi:** Chậm nhất vào ngày 05 tháng sau, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở GD Ngân hàng Nhà nước truyền báo cáo tháng trước về Cục PH&KQ (Ngân hàng Nhà nước Trung ương) thông qua Cục CNTHNH.
  - Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý, Cục PH&KQ tổng hợp số liệu báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở GD Ngân hàng Nhà nước của quý trước.
  - Chậm nhất ngày 31 tháng 01 năm sau, Cục PH&KQ tổng hợp số liệu báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở GD Ngân hàng Nhà nước của năm trước.
  - Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, SGD Ngân hàng Nhà nước tổng hợp báo cáo Quý, năm để sử dụng tại đơn vị.

**BÁO CÁO THỐNG KÊ THU CHI CÁC LOẠI TIỀN POLYMER  
THUỘC QUỸ NGHIỆP VỤ PHÁT HÀNH**

Tháng.....năm.....

I. Tiền đang lưu hành:

Đơn vị: đồng

Loại tiền	Tồn quỹ đầu kỳ	Thu trong kỳ						Chi trong kỳ						Tồn quỹ cuối kỳ	Tỷ lệ các loại tiền	
		Từ Quỹ DTPH	Từ các TCTD	Từ KBNN	Từ các nghiệp vụ khác	Thu đổi loại	Cộng thu	Nhập Quỹ DTPH	Chi cho các TCTD	Chi cho KBNN	Chi cho các nghiệp vụ khác	Chi đổi loại	Cộng chi		Thu	Chi
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Cộng																

**II. Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông:**

Đơn vị: đồng

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	2	3	4	5
Cộng				

**III. Tiền đình chỉ lưu hành:**

Đơn vị: đồng

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	2	3	4	5
Cộng				

**IV. Tiền nghỉ giả, tiền giả và tiền bị phá hoại chờ xử lý:**

Đơn vị: đồng

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	2	3	4	5
Cộng				

....., ngày.....tháng.....năm.....

Lập bảng

Kiểm soát

Thủ trưởng đơn vị



## HƯỚNG DẪN LẬP BIỂU G04.2:

Mẫu G04.2 do Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố và Sở giao dịch lập vào ngày cuối tháng. Số liệu trong mẫu biểu lấy từ tổng số tiền thu, chi qua quỹ nghiệp vụ phát hành trong tháng có đối chiếu với kế toán (Tài khoản 102- Quỹ NVPH) chậm nhất ngày 05 tháng sau Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước truyền báo cáo về Ngân hàng Nhà nước Trung ương (Cục PH và KQ) thông qua Cục CNTHNH.

### ***I. Tiền đang lưu hành:***

Cột 2: Tồn quỹ cuối kỳ tháng trước mang sang

Cột 3 và cột 9: Phản ánh số tiền thu, chi quỹ NVPH với quỹ DTPH, kể cả đổi cơ cấu các loại tiền giữa quỹ NVPH với quỹ DTPH và ngược lại

Cột 4 và cột 10: Phản ánh các khoản thu chi quỹ NVPH của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước với các TCTD trên địa bàn

Cột 5 và cột 11: Phản ánh thu chi quỹ NVPH của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước với KBNN trên địa bàn

Cột 6 và cột 12: Phản ánh các khoản thu chi quỹ NVPH của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước (ngoài các chỉ tiêu trong mẫu biểu) như: thu chi nội bộ, thu lệ phí, chuyển tiền, nhập, xuất do tuyển chọn phân loại tiền trong quỹ NVPH.

Cột 7 và cột 13: Phản ánh các khoản thu chi đổi loại quỹ NVPH làm thay đổi cơ cấu tiền phục vụ cho việc thu chi từ các nghiệp vụ khác, đổi tiền lẻ, rách, đổi NPTT lấy tiền mặt....

Cột 8 = cột 3 + cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7

Cột 14 = cột 9 + cột 10 + cột 11 + cột 12 + cột 13

Cột 15: Phản ánh tồn quỹ NVPH các loại tiền đến ngày cuối tháng

Cột 16 và cột 17: Phản ánh tỷ lệ các loại tiền trong tổng số tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành thu chi trong kỳ.

### ***II. Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông:***

Cột 2: Tồn quỹ cuối tháng trước mang sang

Cột 3: Số tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông nhập trong kỳ

Cột 4: Số tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông xuất trong kỳ

Cột 5: Số tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông tồn tại quỹ đến ngày làm việc cuối cùng của tháng báo cáo.

### **III. Tiền đình chỉ lưu hành:**

Cột 2: Tồn quỹ cuối tháng trước mang sang

Cột 3: Số tiền đình chỉ lưu hành nhập trong kỳ

Cột 4: Số tiền đình chỉ lưu hành xuất trong kỳ

Cột 5: Số tiền đình chỉ lưu hành tồn tại quỹ đến ngày làm việc cuối cùng của tháng báo cáo.

### **IV. Tiền nghi giả, tiền giả và tiền bị phá hoại chờ xử lý:**

Cột 2: Tồn quỹ cuối tháng trước mang sang

Cột 3: Số tiền nghi giả, tiền giả và tiền bị phá hoại chờ xử lý nhập trong kỳ

Cột 4: Số tiền nghi giả, tiền giả và tiền bị phá hoại chờ xử lý xuất trong kỳ

Cột 5: Số tiền nghi giả, tiền giả và tiền bị phá hoại chờ xử lý tồn tại quỹ đến ngày làm việc cuối cùng của tháng báo cáo.

1. **Đối tượng áp dụng:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở GD Ngân hàng Nhà nước.
2. **Thời hạn gửi:** Chậm nhất vào ngày 05 tháng sau, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở GD Ngân hàng Nhà nước truyền báo cáo tháng trước về Cục PH&KQ (Ngân hàng Nhà nước Trung ương) thông qua Cục CNTHNH.
  - Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý, Cục PH&KQ tổng hợp số liệu báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở GD Ngân hàng Nhà nước của quý trước.
  - Chậm nhất ngày 31 tháng 01 năm sau, Cục PH&KQ tổng hợp số liệu báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở GD Ngân hàng Nhà nước của năm trước.
  - Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, SGD Ngân hàng Nhà nước tổng hợp báo cáo Quý, năm để sử dụng tại đơn vị.

**BÁO CÁO THỐNG KÊ THU CHI CÁC LOẠI TIỀN KIM LOẠI  
THUỘC QUỸ NGHIỆP VỤ PHÁT HÀNH  
Tháng.....năm.....**

I. Tiền đang lưu hành:

Đơn vị: đồng

Loại tiền	Tồn quỹ đầu kỳ	Thu trong kỳ						Chi trong kỳ						Tồn quỹ cuối kỳ	Tỷ lệ các loại tiền	
		Từ Quỹ DTPH	Từ các TCTD	Từ KBNN	Từ các nghiệp vụ khác	Thu đổi loại	Cộng thu	Nhập Quỹ DTPH	Chi cho các TCTD	Chi cho KBNN	Chi cho các nghiệp vụ khác	Chi đổi loại	Cộng chi		Thu	Chi
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Cộng																

**II. Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông:**

Đơn vị: đồng

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	2	3	4	5
Cộng				

**III. Tiền dính chỉ lưu hành:**

Đơn vị: đồng

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	2	3	4	5
Cộng				

**IV. Tiền giả, tiền giả và tiền bị phá hoại chờ xử lý:**

Đơn vị: đồng

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	2	3	4	5
Cộng				

....., ngày.....tháng.....năm.....

Lập bảng

Kiểm soát

Thủ trưởng đơn vị

## HƯỚNG DẪN LẬP BIỂU G04.3:

Mẫu G04.3 do Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố và Sở giao dịch lập vào ngày cuối tháng. Số liệu trong mẫu biểu lấy từ tổng số tiền thu, chi qua quỹ nghiệp vụ phát hành trong tháng có đối chiếu với kế toán (Tài khoản 102 - Quỹ NVPH) chậm nhất ngày 05 tháng sau Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước truyền báo cáo về Ngân hàng Nhà nước Trung ương (Cục PH và KQ) thông qua Cục CNTHNH.

### ***I. Tiền đang lưu hành:***

Cột 2: Tồn quỹ cuối kỳ tháng trước mang sang

Cột 3 và cột 9: Phản ánh số tiền thu, chi quỹ NVPH với quỹ DTPH, kể cả đổi cơ cấu các loại tiền giữa quỹ NVPH với quỹ DTPH và ngược lại

Cột 4 và cột 10: Phản ánh các khoản thu chi quỹ NVPH của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước với các TCTD trên địa bàn

Cột 5 và cột 11: Phản ánh thu chi quỹ NVPH của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước với KBNN trên địa bàn

Cột 6 và cột 12: Phản ánh các khoản thu chi quỹ NVPH của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước (ngoài các chỉ tiêu trong mẫu biểu) như: thu chi nội bộ, thu lệ phí, chuyển tiền, nhập, xuất do tuyển chọn phân loại tiền trong quỹ NVPH.

Cột 7 và cột 13: Phản ánh các khoản thu chi đổi loại quỹ NVPH làm thay đổi cơ cấu tiền phục vụ cho việc thu chi từ các nghiệp vụ khác, đổi tiền lành, rách, đổi NPTT lấy tiền mặt....

Cột 8 = cột 3 + cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7

Cột 14 = cột 9 + cột 10 + cột 11 + cột 12 + cột 13

Cột 15: Phản ánh tồn quỹ NVPH các loại tiền đến ngày cuối tháng

Cột 16 và cột 17: Phản ánh tỷ lệ các loại tiền trong tổng số tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành thu chi trong kỳ.

### ***II. Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông:***

Cột 2: Tồn quỹ cuối tháng trước mang sang

Cột 3: Số tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông nhập trong kỳ

Cột 4: Số tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông xuất trong kỳ

Cột 5: Số tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông tồn tại quỹ đến ngày làm việc cuối cùng của tháng báo cáo.

### **III. Tiền đình chỉ lưu hành:**

Cột 2: Tồn quỹ cuối tháng trước mang sang

Cột 3: Số tiền đình chỉ lưu hành nhập trong kỳ

Cột 4: Số tiền đình chỉ lưu hành xuất trong kỳ

Cột 5: Số tiền đình chỉ lưu hành tồn tại quỹ đến ngày làm việc cuối cùng của tháng báo cáo.

### **IV. Tiền nghi giả, tiền giả và tiền bị phá hoại chờ xử lý:**

Cột 2: Tồn quỹ cuối tháng trước mang sang

Cột 3: Số tiền nghi giả, tiền giả và tiền bị phá hoại chờ xử lý nhập trong kỳ

Cột 4: Số tiền nghi giả, tiền giả và tiền bị phá hoại chờ xử lý xuất trong kỳ

Cột 5: Số tiền nghi giả, tiền giả và tiền bị phá hoại chờ xử lý tồn tại quỹ đến ngày làm việc cuối cùng của tháng báo cáo.

(ban hành kèm theo Quyết định số 07/2004/QĐ-NHNN ngày 02 tháng 01 năm 2004).

.....

1. **Đối tượng áp dụng:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Cục PH&KQ.

2. **Thời hạn gửi:**

- Chậm nhất vào ngày 03 tháng sau, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, truyền số liệu báo cáo tháng trước về Cục PH&KQ (Ngân hàng Nhà nước Trung ương) thông qua Cục CNTHNH.
- Cục PH&KQ tổng hợp báo cáo tháng trước của các Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố và Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước.

**CÂN ĐỐI THU CHI TIỀN MẶT**

Tháng... năm...

Đơn vị: triệu đồng

Số thứ tự	Nguồn thu	Thực hiện	Số thứ tự	Nguồn chi	Thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	- Thu từ các Ngân hàng thương mại QĐ Trong đó: + Thu từ chi nhánh Ngân hàng Công thương + Thu từ chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn + Thu từ chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương + Thu từ chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển		1	- Chi cho các Ngân hàng thương mại QĐ Trong đó: + Chi cho chi nhánh Ngân hàng Công thương + Chi cho chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn + Chi cho chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương + Chi cho chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển	
2	- Thu từ các tổ chức tín dụng khác		2	- Chi cho các tổ chức tín dụng khác	

Số thứ tự	Nguồn thu	Thực hiện	Số thứ tự	Nguồn chi	Thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
3	- Thu từ Kho bạc Nhà nước		3	- Chi cho Kho bạc Nhà nước	
4	- Các nguồn thu còn lại		4	- Các nguồn chi còn lại	
<b>Tổng thu</b>			<b>Tổng chi</b>		
Tồn Quỹ Nghiệp vụ phát hành đầu kỳ			Tồn Quỹ Nghiệp vụ phát hành cuối kỳ		
Xuất Quỹ Dự trữ phát hành			Nhập Quỹ Dự trữ phát hành		
<b>Cân số</b>			<b>Cân số</b>		

Chênh lệch bội thu (+) hoặc bội chi (-)

Lập biểu

Kiểm soát

..., ngày... tháng... năm...

Thủ trưởng đơn vị

### HƯỚNG DẪN LẬP BIỂU G08:

- Nguồn thu từ 1 đến 4: Lấy tổng thu tiền mặt gồm cả 3 loại tiền Cotton, tiền Polymer, tiền kim loại.
- Nguồn chi từ 1 đến 4: Lấy tổng chi tiền mặt gồm cả 3 loại tiền Cotton, tiền Polymer, tiền kim loại.
- Tồn Quỹ NVPH đầu kỳ: Lấy số dư tài khoản 102 tại ngày làm việc cuối cùng của tháng trước tháng báo cáo (gồm tổng cả 3 loại tiền Cotton, tiền Polymer, tiền kim loại).
- Tồn Quỹ NVPH cuối kỳ: Lấy số dư tài khoản 102 tại ngày làm việc cuối cùng của tháng báo cáo (gồm tổng cả 3 loại tiền Cotton, tiền Polymer, tiền kim loại).
- Chênh lệch bội thu (+) hoặc bội chi (-) tiền mặt: Bằng tổng thu trừ đi tổng chi, nếu tổng thu lớn hơn tổng chi là bội thu (ký hiệu +), ngược lại nếu tổng thu nhỏ hơn tổng chi là bội chi (ký hiệu là -).
- Xuất Quỹ DTPH không tính số tiền xuất điều chuyển về các Kho tiền Trung ương hoặc đi các chi nhánh khác.
- Nhập Quỹ DTPH không tính số tiền nhập điều chuyển từ các Kho tiền Trung ương hoặc từ các chi nhánh khác.
- Thu, chi từ các TCTD khác là các TCTD khác trên địa bàn có quan hệ giao dịch tiền mặt với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.



.....

1. Đối tượng áp dụng: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Cục PH&KQ.

2. Thời hạn gửi:

- Chậm nhất ngày 05 tháng sau, Cục PH&KQ tổng hợp số liệu tháng trước của các Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.
- Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý, Cục PH&KQ tổng hợp số liệu báo cáo quý trước của các Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.
- Chậm nhất ngày 31 tháng 01 năm sau, Cục PH&KQ tổng hợp số liệu báo cáo năm trước của các Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.
- Các Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố tổng hợp báo cáo tháng, quý, năm để sử dụng tại đơn vị.

**BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC LOẠI TIỀN THUỘC QUỸ DỰ TRỮ PHÁT HÀNH  
CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ**

Tháng (Quý, năm)... năm...

I. Tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành:

Đơn vị: đồng

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ					Xuất trong kỳ					Tồn cuối kỳ	Tỷ lệ các loại tiền
		Nhập từ Quỹ NVPH và tiền mới công bố LH	Điều chuyển đến		Nhập tiền lãnh tuyển chọn từ tiền rách	Cộng nhập	Xuất cho Quỹ Nghiệp vụ phát hành	Điều chuyển đi		Xuất tiền rách chọn ra từ tiền lãnh	Cộng xuất		
			Nhập từ NHTW	Nhập từ tỉnh khác				Đi NHTW	Đi tỉnh khác				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Cộng													

II. Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông:

Đơn vị: đồng

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	2	3	4	5
<i>Cộng</i>				

III. Tiền đình chỉ lưu hành:

Đơn vị: đồng

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	2	3	4	5
<i>Cộng</i>				

Lập bảng

Kiểm soát

..., ngày... tháng... năm...

Giám đốc

Chi nhánh...

1. Đối tượng áp dụng: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

2. Thời hạn gửi:

- Chậm nhất ngày 05 hàng tháng Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố truyền file số liệu qua mạng máy tính về Cục PH&KQ (Ngân hàng Nhà nước Trung ương) thông qua Cục CNTHNH.
- Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý, Cục PH&KQ tổng hợp số liệu báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố của quý trước.
- Chậm nhất ngày 31 tháng 01 năm sau, Cục PH&KQ tổng hợp số liệu báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố của năm trước.
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố tổng hợp báo cáo Quý, năm để sử dụng tại đơn vị.

**BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC LOẠI TIỀN COTTON THUỘC QUỸ DỰ TRỮ PHÁT HÀNH  
CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ**

Tháng... năm...

I. Tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành:

Đơn vị: đồng

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ					Xuất trong kỳ					Tồn cuối kỳ	Tỷ lệ các loại tiền
		Nhập từ Quỹ NVPH và tiền mới công bố LH	Điều chuyển đến		Nhập tiền lãnh tuyển chọn từ tiền rách	Cộng nhập	Xuất cho Quỹ Nghiệp vụ phát hành	Điều chuyển đi		Xuất tiền rách chọn ra từ tiền lãnh	Cộng xuất		
			Nhập từ NHTW	Nhập từ tỉnh khác				Đi NHTW	Đi tỉnh khác				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
<i>Cộng</i>													

## II. Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông:

Đơn vị: đồng

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	2	3	4	5
<i>Cộng</i>				

## III. Tiền đình chỉ lưu hành:

Đơn vị: đồng

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	2	3	4	5
<i>Cộng</i>				

..., ngày... tháng... năm...

Lập bảng

Kiểm soát

Giám đốc

## HƯỚNG DẪN LẬP BIỂU G11.1:

Mẫu biểu số G11.1 do các Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố lập vào ngày cuối tháng có đối chiếu với sổ kế toán (Tài khoản 101 quỹ DTPH) số liệu báo cáo thống kê phải đảm bảo chính xác để Ngân hàng Trung ương tổng hợp, chỉ đạo công tác kế hoạch và điều hòa tiền mặt.

## I. Tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành:

Cột 2: Tồn quỹ cuối tháng trước mang sang

Cột 3: Phản ánh tổng số tiền nhập quỹ DTPH từ quỹ NVPH kể cả đối cơ cấu các loại tiền giữa quỹ NVPH với quỹ DTPH và tiền mới công bố lưu hành.

Cột 4 và cột 9: Phản ánh số tiền nhập, xuất quỹ DTPH của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố với Kho tiền Trung ương

Cột 5 và cột 10: Phản ánh số tiền nhập, xuất quỹ DTPH giữa Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố với nhau

Cột 6 và cột 11: Phản ánh số tiền nhập, xuất quỹ DTPH của CN do tuyển chọn phân loại tiền thuộc quỹ DTPH

Cột 7 = cột 3 + cột 4 + cột 5 + cột 6

Cột 8: Phản ánh tổng số tiền xuất quỹ DTPH nhập quỹ NVPH kể cả đối cơ cấu giữa quỹ NVPH với quỹ DTPH

Cột 12 = cột 8 + cột 9 + cột 10 + cột 11

Cột 13: Phản ánh số tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành tồn quỹ DTPH của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố đến ngày làm việc cuối cùng của tháng báo cáo

Cột 14: Phản ánh tỷ lệ các loại tiền trong tổng số tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành tồn cuối kỳ.

## **II. Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông:**

Cột 2: Tồn quỹ cuối tháng trước mang sang

Cột 3: - Phản ánh tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông nhập từ Quỹ NVPH

- Nhập tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông chọn ra từ Quỹ DTPH tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành

Cột 4: + Phản ánh số tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông điều chuyển về Kho tiền Trung ương

+ Phản ánh số tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành chọn ra từ tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông để nhập quỹ DTPH tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành

+ Xuất quỹ dự trữ phát hành để tuyển chọn

Cột 5: Phản ánh số tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông tồn quỹ DTPH của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố đến ngày làm việc cuối cùng của tháng báo cáo.

## **III. Tiền đình chỉ lưu hành:**

Cột 2: Tồn quỹ cuối tháng trước mang sang

Cột 3: Nhập tiền ĐCLH từ Quỹ NVPH; Kho tiền Trung ương (để bán)

Cột 4: Xuất tiền ĐCLH giao Kho tiền Trung ương; Xuất sang Quỹ nghiệp vụ phát hành (để bán)

Cột 5: Số tiền ĐCLH tồn quỹ DTPH đến ngày làm việc cuối cùng của tháng báo cáo

Cơ sở thu thập số liệu: Sổ quỹ DTPH, sổ theo dõi các loại tiền thuộc quỹ DTPH, sổ kiểm kê quỹ DTPH.

Chi nhánh...

1. Đối tượng áp dụng: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

2. Thời hạn gửi:

- Chậm nhất ngày 05 hàng tháng Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố truyền file số liệu qua mạng máy tính về Cục PH&KQ (Ngân hàng Nhà nước Trung ương) thông qua Cục CNTHNH.
- Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý, Cục PH&KQ tổng hợp số liệu báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố của quý trước.
- Chậm nhất ngày 31 tháng 01 năm sau, Cục PH&KQ tổng hợp số liệu báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố của năm trước.
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố tổng hợp báo cáo Quý, năm để sử dụng tại đơn vị.

**BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC LOẠI TIỀN POLYMER THUỘC QUỸ DỰ TRỮ PHÁT HÀNH  
CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ**

Tháng... năm...

I. Tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành:

Đơn vị: đồng

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ					Xuất trong kỳ					Tồn cuối kỳ	Tỷ lệ các loại tiền
		Nhập từ Quỹ NVPH và tiền mới công bố LH	Điều chuyển đến		Nhập tiền lãnh tuyển chọn từ tiền rách	Cộng nhập	Xuất cho Quỹ Nghiệp vụ phát hành	Điều chuyển đi		Xuất tiền rách chọn ra từ tiền lành	Cộng xuất		
			Nhập từ NHTW	Nhập từ tỉnh khác				Đi NHTW	Đi tỉnh khác				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Cộng													

**II. Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông:**

Đơn vị: đồng

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	2	3	4	5
<i>Cộng</i>				

**III. Tiền đình chỉ lưu hành:**

Đơn vị: đồng

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	2	3	4	5
<i>Cộng</i>				

..., ngày... tháng... năm...

Lập bảng

Kiểm soát

Giám đốc

**HƯỚNG DẪN LẬP BIỂU G11.2**

Mẫu biểu số G11.2 do các Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố lập vào ngày cuối tháng có đối chiếu với sổ kế toán (Tài khoản 101 quỹ DTPH) số liệu báo cáo thống kê phải đảm bảo chính xác để NHTW tổng hợp, chỉ đạo công tác kế hoạch và điều hòa tiền mặt.

**I. Tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành:**

Cột 2: Tồn quỹ cuối tháng trước mang sang

Cột 3: Phản ánh tổng số tiền nhập quỹ DTPH từ quỹ NVPH kể cả đối cơ cấu các loại tiền giữa quỹ NVPH với quỹ DTPH và tiền mới công bố lưu hành.

Cột 4 và cột 9: Phản ánh số tiền nhập, xuất quỹ DTPH của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố với Kho tiền Trung ương

Cột 5 và cột 10: Phản ánh số tiền nhập, xuất quỹ DTPH giữa Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố với nhau

Cột 6 và cột 11: Phản ánh số tiền nhập, xuất quỹ DTPH của CN do tuyển chọn phân loại tiền thuộc quỹ DTPH

Cột 7 = cột 3 + cột 4 + cột 5 + cột 6

Cột 8: Phản ánh tổng số tiền xuất quỹ DTPH nhập quỹ NVPH kể cả đối cơ cấu giữa quỹ NVPH với quỹ DTPH

Cột 12 = cột 8 + cột 9 + cột 10 + cột 11

Cột 13: Phản ánh số tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành tồn quỹ DTPH của NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố đến ngày làm việc cuối cùng của tháng báo cáo

Cột 14: Phản ánh tỷ lệ các loại tiền trong tổng số tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành tồn cuối kỳ.

## **II. Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông:**

Cột 2: Tồn quỹ cuối tháng trước mang sang

Cột 3: - Phản ánh tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông nhập từ Quỹ NVPH

- Nhập tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông chọn ra từ Quỹ DTPH tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành

Cột 4: + Phản ánh số tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông điều chuyển về Kho tiền Trung ương

+ Phản ánh số tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành chọn ra từ tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông để nhập quỹ DTPH tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành

+ Xuất quỹ dự trữ phát hành để tuyển chọn

Cột 5: Phản ánh số tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông tồn quỹ DTPH của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố đến ngày làm việc cuối cùng của tháng báo cáo

## **III. Tiền đình chỉ lưu hành:**

Cột 2: Tồn quỹ cuối tháng trước mang sang

Cột 3: Nhập tiền ĐCLH từ Quỹ NVPH; Kho tiền Trung ương (để bán)

Cột 4: Xuất tiền ĐCLH giao Kho tiền Trung ương; Xuất sang Quỹ nghiệp vụ phát hành (để bán)

Cột 5: Số tiền ĐCLH tồn quỹ DTPH đến ngày làm việc cuối cùng của tháng báo cáo

Cơ sở thu thập số liệu: Sổ quỹ DTPH, sổ theo dõi các loại tiền thuộc quỹ DTPH, sổ kiểm kê quỹ DTPH.



Chi nhánh...

1. Đối tượng áp dụng: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

2. Thời hạn gửi:

- Chậm nhất ngày 05 hàng tháng Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố truyền file số liệu qua mạng máy tính về Cục PH&KQ (Ngân hàng Nhà nước Trung ương) thông qua Cục CNTHNH.
- Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý, Cục PH&KQ tổng hợp số liệu báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố của quý trước.
- Chậm nhất ngày 31 tháng 01 năm sau, Cục PH&KQ tổng hợp số liệu báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố của năm trước.
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố tổng hợp báo cáo Quý, năm để sử dụng tại đơn vị.

**BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC LOẠI TIỀN KIM LOẠI THUỘC QUỸ DỰ TRỮ PHÁT HÀNH  
CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ**

Tháng... năm...

I. Tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành:

Đơn vị: đồng

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ					Xuất trong kỳ					Tồn cuối kỳ	Tỷ lệ các loại tiền
		Nhập từ Quỹ NVPH và tiền mới công bố LH	Điều chuyển đến		Nhập tiền lành tuyển chọn từ tiền rách	Cộng nhập	Xuất cho Quỹ Nghiệp vụ phát hành	Điều chuyển đi		Xuất tiền rách chọn ra từ tiền lành	Cộng xuất		
			Nhập từ NHTW	Nhập từ tỉnh khác				Đi NHTW	Đi tỉnh khác				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Cộng													

## II. Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông:

Đơn vị: đồng

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	2	3	4	5
<i>Cộng</i>				

## III. Tiền đình chỉ lưu hành:

Đơn vị: đồng

Loại tiền	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	2	3	4	5
<i>Cộng</i>				

..., ngày... tháng..... năm...

Lập bảng

Kiểm soát

Giám đốc

## HƯỚNG DẪN LẬP BIỂU G11.3:

Mẫu biểu số G11.3 do các Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố lập vào ngày cuối tháng có đối chiếu với sổ kế toán (Tài khoản 101 quỹ DTPH) số liệu báo cáo thống kê phải đảm bảo chính xác để Ngân hàng Trung ương tổng hợp, chỉ đạo công tác kế hoạch và điều hòa tiền mặt.

## I. Tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành:

Cột 2: Tồn quỹ cuối tháng trước mang sang

Cột 3: Phản ánh tổng số tiền nhập quỹ DTPH từ quỹ NVPH kể cả đối cơ cấu các loại tiền giữa quỹ NVPH với quỹ DTPH và tiền mới công bố lưu hành.

Cột 4 và cột 9: Phản ánh số tiền nhập, xuất quỹ DTPH của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố với Kho tiền Trung ương

Cột 5 và cột 10: Phản ánh số tiền nhập, xuất quỹ DTPH giữa Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố với nhau

Cột 6 và cột 11: Phản ánh số tiền nhập, xuất quỹ DTPH của CN do tuyển chọn phân loại tiền thuộc quỹ DTPH

Cột 7 = cột 3 + cột 4 + cột 5 + cột 6

Cột 8: Phản ánh tổng số tiền xuất quỹ DTPH nhập quỹ NVPH kể cả đối cơ cấu giữa quỹ NVPH với quỹ DTPH

Cột 12 = cột 8 + cột 9 + cột 10 + cột 11

Cột 13: Phản ánh số tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành tồn quỹ DTPH của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố đến ngày làm việc cuối cùng của tháng báo cáo

Cột 14: Phản ánh tỷ lệ các loại tiền trong tổng số tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành tồn cuối kỳ.

## **II. Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông:**

Cột 2: Tồn quỹ cuối tháng trước mang sang

Cột 3: - Phản ánh tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông nhập từ Quỹ NVPH

- Nhập tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông chọn ra từ Quỹ DTPH tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành

Cột 4: + Phản ánh số tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông điều chuyển về Kho tiền Trung ương

+ Phản ánh số tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành chọn ra từ tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông để nhập quỹ DTPH tiền đủ tiêu chuẩn lưu hành

+ Xuất quỹ dự trữ phát hành để tuyển chọn

Cột 5: Phản ánh số tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông tồn quỹ DTPH của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố đến ngày làm việc cuối cùng của tháng báo cáo.

## **III. Tiền đình chỉ lưu hành:**

Cột 2: Tồn quỹ cuối tháng trước mang sang

Cột 3: Nhập tiền ĐCLH từ Quỹ NVPH; Kho tiền Trung ương (để bán)

Cột 4: Xuất tiền ĐCLH giao Kho tiền Trung ương; Xuất sang Quỹ nghiệp vụ phát hành (để bán)

Cột 5: Số tiền ĐCLH tồn quỹ DTPH đến ngày làm việc cuối cùng của tháng báo cáo

Cơ sở thu thập số liệu: Sổ quỹ DTPH, sổ theo dõi các loại tiền thuộc quỹ DTPH, sổ kiểm kê quỹ DTPH.

## NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

## Biểu G51

.....

(ban hành kèm theo Quyết định số 07/2004/QĐ-NHNN ngày 02 tháng 01 năm 2004).

1. **Đối tượng áp dụng:** Các Kho tiền Trung ương, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố và Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước.

2. **Thời hạn gửi:** Cuối giờ làm việc hoặc trước 09 giờ của ngày làm việc tiếp theo, các Kho tiền Trung ương, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước truyền điện báo về Ngân hàng Nhà nước Trung ương (Cục PH&KQ) thông qua Cục CNTT.

## DIỆN BÁO NGHIỆP VỤ PHÁT HÀNH VÀ KHO QUỸ

Ngày... tháng... năm....

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ Tiêu	Tuần kỳ	Hàng ngày			
		Tổng số	Tiền giấy cotton	Tiền Polyme	Tiền kim loại
1. D/số xuất Quỹ Nghiệp vụ phát hành (lũy kế từ đầu tháng)		X	X	X	X
2. D/số nhập Quỹ Nghiệp vụ phát hành (lũy kế từ đầu tháng)		X	X	X	X
3. D/số xuất Quỹ Dự trữ phát hành (lũy kế từ đầu tháng)		X	X	X	X
4. D/số nhập Quỹ Dự trữ phát hành (lũy kế từ đầu tháng)		X	X	X	X
5. Tồn Quỹ Nghiệp vụ phát hành		X	X	X	X
6. Tồn Quỹ Dự trữ phát hành		X	X	X	X
- Trong đó: a) Tiền không đủ TCLT, tiền ĐCLH:		x	X	X	X
b) Tiền đủ tiêu chuẩn LH:		x	X	X	X
+ Loại: .....					
+ Loại: 500.000đ		x		x	
+ Loại: 100.000đ		x	X		
+ Loại: 50.000đ		x	X	x	
+ Loại: 20.000đ		x	X		
+ Loại: 10.000đ		x	X		
+ Loại: 5.000đ		x	X		x
+ Loại: 2.000đ		x	X		x
+ Loại: 1.000đ		x	X		x
+ Loại: 500đ		x	X		x
+ Loại: 200đ		x	X		x
+ Loại: 100đ		x	X		x
+ Loại: .....					

....., ngày..... tháng..... năm.....

Lập biểu

Kiểm soát

Giám đốc

### Hướng dẫn lập biểu G51:

- Các Kho tiền Trung ương điện báo các chỉ tiêu: 6 (riêng Kho tiền Trung ương I điện báo thêm chỉ tiêu 3, 4)
  - Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước điện báo các chỉ tiêu 1, 2, 5
  - Các Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố điện báo tất cả các chỉ tiêu
  - Chỉ tiêu 1: Không tính doanh số xuất để nhập Quỹ Dự trữ phát hành.
  - Chỉ tiêu 2: Không tính doanh số nhập từ Quỹ Dự trữ phát hành
  - Chỉ tiêu 3: + Đối với các Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố không tính doanh số xuất điều chuyển đi chi nhánh khác hoặc về Kho tiền Trung ương  
+ Đối với Kho tiền Trung ương I chỉ tính doanh số xuất cho Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước
  - Chỉ tiêu 4: + Đối với các chi nhánh tỉnh, thành phố không tính doanh số nhập điều chuyển từ chi nhánh khác hoặc từ Kho tiền Trung ương  
+ Đối với Kho tiền Trung ương chỉ tính số nhập từ Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước
  - Chỉ tiêu 5: Lấy số dư tài khoản 102 cuối ngày báo cáo.
  - Chỉ tiêu 6: Lấy số dư tài khoản 101 cuối ngày báo cáo.
- Trong đó: a) Lấy số dư tài khoản 1012 và 1013 cuối ngày báo cáo.  
b) Lấy số dư tài khoản 1011 cuối ngày báo cáo.
- Các ký hiệu (x) tại các cột phản ánh các chỉ tiêu phải gửi hàng ngày.

**THỐNG KÊ XUẤT - NHẬP - TỒN CÁC QUỸ TIỀN MẶT**

tại các Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố (đến ngày... tháng... năm....)

**A. CÁC TỈNH MIỀN BẮC**

Đơn vị: tỷ đồng

Số thứ tự	Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước	Tồn quỹ DTPH			Tồn quỹ NVPH			Doanh số xuất Quỹ NVPH			Doanh số nhập quỹ NVPH			Lệnh đ/c chưa TH								
		Tiền đủ TCLH			Định mức	Thực tế			Tổng	Tiền kim loại	Tiền giấy	Tổng	Tiền kim loại	Tiền giấy	Dền (+)	Đi (-)						
		Định mức	Thực tế			Tiền KĐ TCLT	Tiền Polymer	Tiền kim loại									Tiền giấy	Tổng	Tiền Polymer	Tiền kim loại	Tiền giấy	Tổng
			Tiền Polymer	Tiền kim loại																		
	SGD																					
	...																					
	...																					
	Cộng																					



Đơn vị: tỷ đồng

## C. CÁC TỈNH MIỀN TRUNG

Số thứ tự	Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước	Tồn quỹ DTPH			Tồn quỹ NVPH			Doanh số xuất Quỹ NVPH		Doanh số nhập quỹ NVPH		Lệnh đ/c chưa TH		
		Tiền đủ TCLH			Thực tế			Tiền kim loại	Tiền giấy	Tổng	Tiền kim loại	Tiền giấy	Tổng	Đi (-)
		Thực tế			Định mức	Tiền kim loại	Tiền giấy							
		Tiền KD TCLT	Tiền Polymer	Tiền kim loại				Tiền giấy	Tổng	Định mức	Tiền Polymer	Tiền kim loại	Tiền giấy	Tổng
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
	<b>Cộng</b>													
	<b>Tổng cộng 3 miền</b>													

..., ngày.....tháng.....năm.....

Lập biểu

Kiểm soát

Thủ trưởng đơn vị

**Yêu cầu:** Lập chương trình cho máy tự động thực hiện:

1. Danh sách đơn vị thiếu báo cáo
2. Thay đổi định mức của từng Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố
3. Bổ sung số liệu các đơn vị thiếu báo cáo

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 82333947

In tại Xí nghiệp Bản đồ I - Bộ Quốc phòng